

Mẫu CBTT/SGDHCM-08

(Ban hành kèm theo Quyết định số 250/2013/QĐ-SGDHN ngày 06/06/2013 của
TGD-SGDCKHN về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCKHN)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25/CK-HS

Ngày 25 tháng 08 năm 2015

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên tổ chức: Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh
 - Mã chứng khoán: HSI
 - Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 083 7990 170
 - Fax: 083 7949 051
 - Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Anh Phụng
- Nội dung thông tin công bố: Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau soát xét (điều chỉnh).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/08/2015 tại đường dẫn www.hsi.com.vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

• Tài liệu đính kèm:

- Giải trình chênh lệch BCTC hợp nhất;

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người được ủy quyền công bố thông tin



NGUYỄN ANH PHỤNG

GIẢI TRÌNH CHÉNH LỆCH SỐ LIỆU TRÊN BCTC HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN

Chi tiêu	Mã số	Số liệu sau Kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
I. Bảng cân đối kế toán		423,346,656,097	423,346,656,097	-	
1. Tài sản cố định	220	136,750,937,039	125,216,334,133	(11,534,602,906)	Chênh lệch do lập theo TT 200
2. Tài sản cố định hữu hình	221	125,216,334,133	125,216,334,133	-	
2. Nguyên giá	222	205,551,174,916	205,211,434,107	(339,740,809)	Điều chỉnh do mua bán tài sản nội bộ
3. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(80,334,840,783)	(79,995,099,974)	339,740,809	năm 2014
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11,534,602,906	-	(11,534,602,906)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	13,828,530,607	24,628,447,886	10,799,917,279	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	10,799,917,279	-	(10,799,917,279)	Chênh lệch do lập theo TT 200
7. Tài sản dở dang dài hạn			11,534,602,906	11,534,602,906	
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			11,534,602,906	11,534,602,906	
II. Bảng lưu chuyển tiền tệ		32,836,491,461	32,836,491,461	-	
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		280,688,964,101	282,605,525,950	1,916,561,849	Điều chỉnh tăng giảm dòng tiền nội bộ
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(238,696,927,138)	(240,613,488,987)	(1,916,561,849)	
3. Tiền chi trả lãi vay		(17,254,184,069)	(17,244,184,069)	10,000,000	Điều chỉnh tăng giảm dòng tiền nội bộ
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		93,285,523,978	93,885,523,978	600,000,000	Do điều chỉnh dòng tiền từ chi khác sang chi trả lãi vay
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(85,186,885,411)	(85,796,885,411)	(610,000,000)	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng 08 năm 2015

Tổng giám đốc

